

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH TRÊN ĐỊA BÀN TP. HỒ CHÍ MINH

1. Tổng quan về các loại hình và qui mô doanh nghiệp trên địa bàn TP.HCM

Từ sau Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), quan điểm đổi mới kinh tế đã được hình thành và khẳng định nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta có ý nghĩa chiến lược và lâu dài. Chủ trương đổi mới chính sách kinh tế nêu trên đã được thể chế hóa bằng các Nghị định, Luật của Chính phủ. Cụ thể là năm 1988, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành các Nghị định số 27, 28, 29, qui định chính sách đối với kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh, kinh tế tập thể và kinh tế gia đình. Cùng với Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ban hành năm 1987, năm 1990 Quốc hội đã thông qua 2 Luật về doanh nghiệp tư nhân và Luật công ty, theo đó các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (liên doanh, 100% vốn nước ngoài) các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần được hình thành và hoạt động tại Việt Nam. Như vậy, song song với thành phần kinh tế nhà nước (doanh nghiệp nhà nước - DNNN) ở Việt Nam nói chung và ở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng đã hình thành các loại hình tổ chức kinh tế thuộc



khu vực kinh tế cá thể, tư bản tư nhân trong và ngoài nước.

Các loại hình tổ chức doanh nghiệp theo các thành phần kinh tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay bao gồm :

- Hình thức kinh tế nhà nước hay kinh tế quốc doanh được thành lập và tổ chức hoạt động theo Luật DNNN thuộc sở hữu Nhà nước được gọi là

PGS.PTS. NGUYỄN THỊ CÀNH
Viện Kinh Tế TP.HCM

DNNN.

- Hình thức kinh tế cá thể gồm hộ cá thể và hộ tiểu chủ trong tiểu thủ công nghiệp, hộ kinh doanh cá thể trong kinh doanh thương mại dịch vụ đăng ký theo ND 66/HĐBT.

- Hình thức kinh tế tập thể bao gồm hợp tác xã, tổ hợp (tổ sản xuất), nhóm kinh doanh, theo ND 66/HĐBT và Luật hợp tác xã (HTX).

- Hình thức kinh tế tư doanh bao gồm xí nghiệp, công ty tư doanh (trước đây), sau khi có Luật doanh nghiệp tư nhân, Luật công ty là xí nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần.

- Hình thức xí nghiệp liên doanh là các công ty, xí nghiệp liên doanh giữa vốn Nhà nước với vốn tư nhân (trước đây còn có xí nghiệp hợp doanh) theo ND 28/HĐBT, xí nghiệp liên doanh vốn của tư nhân, tư bản nước ngoài với vốn Nhà nước hoặc xí nghiệp tư nhân trong nước, công ty tư bản tư nhân nước ngoài đầu tư tại Việt Nam 100% vốn (theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam).

Sự biến động các loại hình tổ chức kinh tế nêu trên có thể xem qua biểu số 1 dưới đây.

Biểu 1 : Biến động các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn TP.HCM giai đoạn 1988-1996

Năm	1988 (số lượng đơn vị)						Đến tháng 12/1996 (số lượng đơn vị)					Ghi chú
	DNNN	XN có vốn đầu tư NN	DNTN	HTX	Tổ SX	Cá thể	DNNN	XN có vốn đầu tư NN	DN, công ty tư nhân	HTX	Tổ hợp, cá thể, tiểu chủ	
Loại hình DN Ngành												
1.Ngành CN	530	3	22	677	2.566	16.982	306	286	1.223	74	29.840	
2.Ngành TM-DV				2.992		50.000	296	144	5.401	93	118.967	
3.Ngành XD-GT	959	2		150			90	55	584	71	14.155	
4.Ngành NN				188			31	13	0		(*)	
5.Ngành khác							42	7	52			
	1.489	5	22	4.007	2.566	66.982	765	505	7.260	238	162.962	

Ghi chú : (*) Không tính hộ SX nông nghiệp ngoại thành ; hiện có khoảng trên 120.000 hộ.
Nguồn : Cục Thống kê TP.HCM, Viện Kinh Tế TP.HCM.

Theo kết quả điều tra năm 1993 của Viện Kinh Tế TP.HCM thì qui mô vốn, lao động, doanh thu của các loại hình tổ chức doanh nghiệp trên địa bàn TP.HCM như sau :

Theo biểu 3, thì trong các năm qua tỷ trọng GDP của khu vực kinh tế nhà nước ngày một giảm dần, ngược lại tốc độ tăng trưởng của khu vực kinh tế tư

kinh tế ngoài quốc doanh (kinh tế tư nhân, cá thể) đang có tốc độ tăng cao hơn kinh tế quốc doanh địa phương (quốc doanh địa phương bình quân trên 10%/năm, và quốc doanh địa

Biểu 2 : Qui mô vốn, lao động, doanh thu của các loại hình DN trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1993)

Đơn vị tính : Tỷ đồng, người

Loại hình DN	Qui mô vốn (tỷ đồng)			Qui mô lao động(người)			Qui mô doanh thu (tỷ đồng)		
	Mức thấp	Trung bình	Mức cao	Thấp	Trung bình	Cao	Thấp	Trung bình	Cao
1. DNNN	5	15-20	> 30	100	500	> 2.000	10	25	> 50
2. XN có vốn đầu tư NN	11	100	> 120	30	200	> 500	15	30	> 100
3. DNTN	0,30	1,2	> 2	30	50	> 500	0,5	1,8	> 5
4. HTX	0,1	0,175	0,6	5	50	90	0,2	1,5	> 2
5. Tổ hợp	0,01	0,10	0,3	15	40	60	0,05	0,6	> 1,2
6. Cá thể, tiểu chủ	0,005	0,01	0,02	1	2	5	0,015	0,05	0,2

Nguồn : Viện Kinh Tế TP.HCM

Từ biểu 2 ta có thể xếp loại về qui mô doanh nghiệp như sau :

- Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN), xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (XNCVĐTNN) thuộc loại doanh nghiệp có qui mô lớn và vừa tại Việt Nam.

- Doanh nghiệp, công ty tư nhân (DNTN) có qui mô vừa và nhỏ, còn lại hợp tác xã (HTX), tổ hợp có qui mô nhỏ, và hộ cá thể, tiểu chủ có qui mô rất nhỏ.

Với đánh giá này thì các doanh nghiệp có qui mô vừa và nhỏ chủ yếu là nằm ở khu vực kinh tế tư nhân, cá thể trong nước hay còn gọi là kinh tế ngoài quốc doanh. Sau đây sẽ phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển của khu vực kinh tế này trên địa bàn TP.HCM

2. Hiện trạng phát triển khu vực kinh tế tư nhân, cá thể TP.Hồ Chí Minh

Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế tư nhân TP.Hồ Chí Minh có thể xem xét trên một số mặt sau đây:

- Mức độ tăng trưởng GDP.
- Đầu tư, thu hút lao động, và nộp thuế.
- Biến động các loại hình tổ chức DN theo ngành kinh tế.

Sau khi có Luật doanh nghiệp tư nhân, Luật công ty ban hành (1990), kinh tế tư nhân TP.Hồ Chí Minh đã không ngừng phát triển, có tốc độ tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, năm 1991 tốc độ tăng GDP của khu vực tư nhân là 8,2%, năm 1992 tăng 8,9%, năm 1993 tăng 10 % năm 1994 tăng 13,4% năm 1995 tăng 12,9% năm 1996 tăng 10%. Tốc độ tăng GDP bình quân thời kỳ 1992-1996 của khu vực kinh tế tư nhân là 12,12%/năm. Đặc biệt ở năm 1995 khu vực kinh tế tư nhân có tốc độ tăng GDP cao hơn khu vực kinh tế Nhà nước (GDP khu vực kinh tế tư nhân tăng 12,9%, còn của khu vực kinh tế Nhà nước là 10,7%). Cơ cấu GDP, thu ngân sách trong nước, lao động làm việc trên địa bàn TP.HCM giữa khu vực kinh tế nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân, cá thể thời kỳ 1993-1996 được thể hiện qua số liệu biểu 3.

nhân, đầu tư nước ngoài có xu hướng tăng nhanh hơn nên tỷ trọng ngày càng lớn.

Theo phân loại ngành kinh tế của Tổng cục Thống kê, hiện có 20 ngành cấp I, trong đó có 8 ngành kinh tế mà GDP của khu vực kinh tế tư nhân đang chiếm ưu thế (chiếm hơn 50%) đó là : Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản, khách sạn nhà hàng, kinh doanh bất động sản, hoạt động văn hóa thể thao, hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng, làm việc thêm giúp việc trong gia đình. Đặc biệt ngành thương mại dịch vụ tuy hiện nay chiếm trên 47% về cơ cấu tổng mức bán ra, nhưng khu vực ngoài quốc doanh chiếm tới trên 80% về mức bán lẻ. Sự tăng trưởng cao của khu vực kinh tế tư nhân đã góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế Thành phố, và nếu không tính đến kinh tế quốc doanh TW thì hiện nay

Biểu 3 : Tỷ trọng đóng góp GDP và thu ngân sách của khu vực kinh tế tư nhân, cá thể trên địa bàn TP.HCM

Đơn vị tính : %

Năm Chỉ tiêu	1993	1994	1995	1996
1/ GDP, trong đó,	100,0	100,0	100,0	100,0
- Khu vực kinh tế nhà nước	52,2	51,3	49,2	48,0
- Khu vực ngoài quốc doanh	40,4	40,5	39,7	38,2
- Khu vực đầu tư nước ngoài	7,4	8,2	11,1	13,8
2/ Tổng thu ngân sách	100,0	100,0	100,0	100,0
Trong đó : Tổng thu trong nước	64,3	64,1	61,1	64,3
Trong đó :				
- Khu vực kinh tế nhà nước	42,9	37,6	32,1	31,0
- Khu vực ngoài quốc doanh	8,2	8,4	9,4	11,8
- Khu vực đầu tư nước ngoài	1,8	4,8	6,8	7,4
3/ Tổng số lao động làm việc	100,0	100,0	100,0	100,0
- Khu vực kinh tế nhà nước	21,7	21,9	24,1	22,8
- Khu vực ngoài quốc doanh và đầu tư nước ngoài	78,3	78,1	75,9	77,2

Nguồn : Niên giám thống kê TP.HCM năm 1996

thu hút lao động. Tốc độ tăng thêm số lượng lao động thu hút vào khu vực này trong 4 năm qua bình quân khoảng 9,2%/năm. Nếu năm 1989-1990 lao động ở khu vực nhà nước còn chiếm một cơ cấu 36%, thì cơ cấu này nay giảm còn khoảng 25%, khu vực tư nhân, cá thể có cơ cấu lao động chiếm khoảng 75% tổng số lao động đang làm việc trên địa bàn (hiện có trên 1,2 triệu lao động đang làm việc trong khu vực kinh tế tư nhân, cá thể, tiểu chủ, hộ kinh doanh).

b. Về chỉ tiêu nộp ngân sách trên địa bàn.

So với tổng thu trên địa bàn, thì phần thu từ khu vực ngoài quốc doanh còn chiếm một tỷ lệ khiêm tốn, hiện riêng nguồn thu trong nước của khu vực này chiếm 11,89% tổng thu của ngân sách địa phương hay 18,35% tổng nguồn thu trong nước, tuy có tăng về số tuyệt đối qua các năm, và cơ cấu này đã tăng cao, so với năm 1993 chỉ có 8,2%.

c. Về hiện trạng phát triển các loại hình kinh tế ngoài quốc doanh (tư nhân, cá thể).

- Loại hình kinh tế cá thể, tổ hợp, nhóm kinh doanh: Trong khu vực công nghiệp, TTCN tuy có bước thăng trầm song so với năm 1988 có số lượng đơn vị sản xuất đã tăng dần từ 19.548 đơn vị năm 1988 lên 29.840 đơn vị năm 1996. Ở khu vực thương nghiệp dịch vụ, có số hộ kinh doanh tăng dần qua các năm. Năm 1988 có khoảng 50.000 hộ kinh doanh tư thương và dịch vụ tư nhân, năm 1996 tăng lên 118.967 hộ.

- Loại hình HTX giảm đáng kể: Trong khu vực CN-TTCN, số lượng tổ hợp và HTX năm 1996 giảm từ 8 - 10 lần so với năm 1988, ở khu vực TM-DV cũng giảm khoảng trên 30 lần về số lượng HTX. Hiện nay ở khu vực CN-TTCN chỉ còn 74 HTX, khu vực TM-DV có từ 2.992 HTX năm 1988 nay chỉ còn 93 HTX, ở khu vực nông nghiệp hầu như không còn HTX nào. Nguyên nhân số lượng HTX giảm một mặt là do có nhiều đơn vị làm ăn thua lỗ phải giải thể, mặt khác, có nhiều đơn vị đã chuyển đổi hình thức sang XN tư nhân, công ty TNHH cho phù hợp với tính chất và qui mô doanh nghiệp. Số HTX còn lại hiện nay, hầu như đã biến dạng, vỏ là HTX, nhưng nội dung bản chất bên trong giống một công ty vì sở hữu chủ không còn là sở hữu chủ xã viên, vốn do một hoặc một số người hùn hạp, còn lao động chủ yếu là sử dụng lao động làm thuê.

- Loại hình doanh nghiệp, công ty tư nhân: đặc biệt là công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) tăng khá nhanh trong vài năm qua. Sau khi có luật doanh nghiệp tư nhân, luật công ty (1990), đến cuối năm 1991 có

khoảng 300 đơn vị DNTN, công ty tư nhân (công ty TNHH, công ty CP), đến tháng 8/1996, đã lên tới 7.260 đơn vị với số vốn đăng ký là 4.263 tỷ đồng, cứ mỗi năm ra đời khoảng gần 1.000 đơn vị. Hiện nay số công ty TNHH là chiếm đa số 3.932 đơn vị với 2.736 tỷ đồng vốn đăng ký, chiếm 54,18% về số lượng đơn vị và 64,18% về số vốn đăng ký, kế tiếp doanh nghiệp tư nhân có 3245 đơn vị với số vốn đăng ký là 725 tỷ đồng, chiếm 44,7% về số lượng đơn vị và 17,0% về số vốn đăng ký, số công ty cổ phần là 83 đơn vị với số vốn đăng ký là 802 tỷ đồng, chiếm 1,14% số lượng đơn vị và 18,81% về số vốn đăng ký. So với tổng số thì ngành TM-DV có 5183 đơn vị chiếm 71,39% số lượng đơn vị DN, công ty tư nhân, và có số vốn đăng ký là 1.700 tỷ chiếm 39,88% về số vốn đăng ký, ngành SXCN có 1.223 đơn vị với số vốn đăng ký là 1.284 tỷ chiếm 16,85% số lượng đơn vị và 30,12% số vốn đăng ký theo loại hình DN, công ty tư nhân.

3. Nhận định xu hướng phát triển một số ngành kinh tế tư nhân, cá thể đang chiếm ưu thế

Thứ nhất là ngành sản xuất công nghiệp theo thống kê hiện hành được phân ra thành 19 ngành. Tốc độ phát triển giá trị sản lượng công nghiệp ngoài quốc doanh bình quân thời kỳ 1986-1990 là 6,0%, năm 1991-1992 là 16,4% và 1993 -1994 là 13,8%, thời kỳ 1995-1996 trên 15%/năm. Tốc độ này của khu vực công nghiệp quốc doanh trên địa bàn là 7,2% bình quân 86-90; thời kỳ 1992-1996 khoảng 14%/năm. Tốc độ phát triển về giá trị sản lượng công nghiệp ngoài quốc doanh cao hơn tốc độ phát triển của công nghiệp quốc doanh địa phương, song so với quốc doanh TW thì thấp hơn. Ngành CN-TTCN tư nhân TP.Hồ Chí Minh hiện giữ tỷ trọng cao về thu hút vốn đầu tư tư nhân (34,3%) và thu hút nhiều lao động (33,7%).

Các ngành công nghiệp ngoài quốc doanh (tư nhân) thu hút lao động nhiều nhất và có tỷ lệ lao động cao hàng năm đó là ngành công nghiệp may, công nghiệp dệt, công nghiệp hóa chất cao su, công nghiệp chế biến gỗ. Hiện nay, công nghiệp may có tỷ trọng lao động cao nhất so với tổng các ngành công nghiệp 15,16%, ngành dệt đứng thứ 2 : 14,42%, công nghiệp thực phẩm : 12,63%, công nghiệp hóa chất, cao su : 12,22%...

Hiện có trên 100 công ty may tư nhân lớn. Tuy vậy, doanh nghiệp may tư nhân chủ yếu là làm hàng gia công hoặc cho nước ngoài ủy thác qua doanh nghiệp nhà nước (gần 100% số DNTN phải xuất khẩu ủy thác) hoặc làm hàng gia công cho DNNN (trên 35% số DNTN làm hàng gia công cho

DNNN - số liệu điều tra kinh tế tư nhân năm 1993).

Xét trên tổng thể theo sản lượng hàng hóa, số lượng cơ sở cũng như qui mô lớn, số lượng lao động thu hút trong khu vực CN-TTCN ngoài quốc doanh thì hiện nay công nghiệp may - dệt chiếm ưu thế, kế tiếp là công nghiệp hóa chất, cao su, công nghiệp lương thực - thực phẩm, công nghiệp chế tạo thiết bị máy móc, công nghiệp da, giả da, chế biến gỗ, công nghiệp sản xuất sản phẩm bằng kim loại...

Thứ hai là ngành thương mại - dịch vụ.

Thương nghiệp ngoài quốc doanh (tư nhân, HTX, hộ kinh doanh cá thể), đặc biệt là thương nghiệp tư nhân không ngừng tăng nhanh trong 3 năm qua. Tổng mức hàng hóa bán ra theo giá hiện hành tăng bình quân giai đoạn 1993-1996 là 33,93%/năm. Cơ cấu tổng mức bán ra của tư nhân tăng 33,6% (1990) lên 47,5% (1996).

Trong tổng mức bán ra thương nghiệp tư nhân và tập thể đặc biệt chiếm ưu thế về mức bán lẻ. Năm 1996 thương nghiệp ngoài quốc doanh chiếm trên 80% về mức bán lẻ trên địa bàn.

Hiện nay ngành TM-DV tư nhân Thành phố đứng thứ 2 sau ngành sản xuất CN-TTCN về thu hút vốn đầu tư (chiếm gần 40%) và thu hút lao động (gần 20%). Theo kết quả điều tra toàn diện thương nghiệp tư nhân gần đây thì hiện tại ngành kinh doanh thương nghiệp đang chiếm khoảng 65% về tổng số hộ kinh doanh TM-DV trên địa bàn Thành phố, chiếm 84% tổng số doanh thu, chiếm 53,5% vốn đầu tư của tư thương. Ngành kinh doanh có số lượng đơn vị kinh doanh và doanh thu cao nhất (28% tổng số) là kinh doanh thực phẩm, kế tiếp là kinh doanh đồ dùng hàng ngày và hàng may mặc (trên 10%), kinh doanh vật phẩm và đồ gỗ vật liệu xây dựng chiếm khoảng 5% về số lượng đơn vị cũng như doanh số. Ngành ăn uống công cộng đứng thứ 2 về số lượng đơn vị (hộ kinh doanh) - chiếm gần 15% trong tổng số hộ, đơn vị kinh doanh TM-DV, kế tiếp là dịch vụ đứng thứ 4 về số hộ kinh doanh và kinh doanh vàng bạc đứng thứ 5 về số hộ kinh doanh. Song, xét trên doanh thu thì sau ngành kinh doanh thương nghiệp là kinh doanh vàng bạc rồi mới đến ăn uống công cộng và dịch vụ.

Thứ ba, là ngành giao thông - xây dựng (GT-XD). Tính đến tháng 8/1996 đã có 584 doanh nghiệp, công ty tư nhân ngành GT-XD chủ yếu hoạt động trong các ngành thi công xây lắp, vận tải đường bộ và đường sông.

Hình thức hợp tác xã còn tồn tại (có 71 đơn vị) và hoạt động tương đối

có hiệu quả trong ngành giao thông. Chủ yếu là vận tải đường bộ, trong đó có gần 50% số HTX vận tải có qui mô lớn và vận tải liên tỉnh. Về bản chất các HTX này gần giống với hình thức góp vốn của công ty TNHH và công ty cổ phần. Các hộ kinh doanh cá thể trong ngành giao thông chủ yếu là vận tải đường bộ hiện đang chiếm ưu thế. Có trên 50.000 phương tiện vận tải đường bộ (hàng hóa và hành khách) với gần 15.000 hộ đã thu hút gần 50.000 lao động vào khu vực này, vận tải đường sông - biển có gần 2.000 phương tiện vận tải chủ yếu vận tải hàng hóa chiếm trên 80%. Tổng số vốn hoạt động của các đơn vị giao thông vận tải tư nhân năm 1992 khoảng 200 tỷ đồng, ngành xây dựng cũng đầu tư khoảng gần 150 tỷ đồng theo vốn đăng ký thu hút lao động của hai ngành này trên 200.000 lao động. Xét về tỷ trọng vốn đầu tư và lao động thu hút thì hiện nay ngành GT-XD đứng thứ 3 (chiếm 16% về vốn đầu tư và khoảng 19% về thu hút lao động).

Trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, các công ty tài chính, ngân hàng tư nhân, quỹ tín dụng tư nhân đã ra đời cho đến nay có 218 đơn vị chiếm phần lớn các đơn vị tư nhân của ngành tài chính tín dụng trong cả nước. Điều này có tác động tích cực vào sự hình thành và phát triển thị trường vốn Thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo cho Thành phố trở thành trung tâm tài chính lớn so với cả nước.

Tóm lại, trong những năm gần đây kinh tế ngoài quốc doanh hay kinh tế tư nhân Thành phố Hồ Chí Minh có xu hướng phát triển với tốc độ nhanh về số lượng đơn vị doanh nghiệp tư nhân (XNTN, CT TNHH, CTCP) và hộ kinh doanh ở ngành thương mại dịch vụ, trong đó ngành kinh doanh thương nghiệp (nội thương và ngoại thương) chiếm ưu thế.

Ngành sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giữ được mức độ tăng trưởng bình quân về giá trị tổng sản lượng công nghiệp (TSLCN), về số lượng đơn vị, về vốn đầu tư nhưng tốc độ tăng chưa cao hàng năm chậm so với các ngành khác. Đây là ngành thu hút lớn lực lượng lao động, có tỷ suất vốn đầu tư cho một lao động thấp so với các ngành kinh tế khác ngoài nông nghiệp (trong loại hình doanh nghiệp tư nhân) đặc biệt là ngành may mặc tư nhân thu hút được nhiều lao động. Các ngành tăng giá trị sản lượng CN có tốc độ cao đó là công nghiệp chế biến lương thực, công nghiệp dệt, công nghiệp da và giả da, công nghiệp hóa chất, phân bón cao su. Đặc biệt có hai ngành tăng cả về số lượng đơn vị lẫn giá trị TSLCN lần thu hút lao động đó là công nghiệp

dệt và công nghiệp hóa chất, phân bón, cao su.

Ngành giao thông - vận tải tư nhân tuy chiếm tỷ trọng thấp về TSPXH, TNQD so với các ngành kinh tế khác, nhưng những năm gần đây có số lượng đơn vị đặc biệt là đơn vị DNTN ra đời với tốc độ cao, trong đó vận tải đường bộ đang chiếm ưu thế về loại hình kinh doanh (đủ cả 3 loại hình: DNTN, HTX, cá thể) kế tiếp là ngành thi công xây lắp phát triển nhanh về loại hình DNTN, ngành vận tải đường sông phát triển nhanh về loại hình cá thể.

4. Nhận định về một số hạn chế trong phát triển khu vực kinh tế tư nhân cá thể hiện nay

Mặc dù trong những năm qua Quốc hội, Nhà nước đã thông qua và ban hành một số luật liên quan đến đầu tư tư nhân như: Luật doanh nghiệp tư nhân, Luật công ty (1990) cho phép thành lập xí nghiệp tư nhân, công ty tư nhân (trách nhiệm hữu hạn và cổ phần), mới đây (1994) lại ban hành luật khuyến khích đầu tư trong nước, Luật phá sản. Tuy nhiên, các nhà đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài vẫn chưa hoàn toàn an tâm do thiếu một số đạo luật khác như luật về chứng khoán, thị trường vốn có liên quan đến phát triển hình thức công ty cổ phần, luật về tài sản bảo đảm quyền sở hữu tài sản của các cá nhân, luật chống độc quyền kinh tế nhằm đảm bảo sự bình đẳng trong kinh doanh v.v... Hơn thế nữa, các pháp nhân kinh doanh ở Việt Nam được chi phối bởi các loại luật khác nhau như luật doanh nghiệp, công ty tư nhân đối với doanh nghiệp, công ty tư nhân (DNTN), Luật đầu tư nước ngoài cho các xí nghiệp liên doanh, XN có vốn đầu tư nước ngoài, luật (Nghị định) về DNNN cho DNNN... Điều này có thể tạo ra những khoảng cách biệt về chính sách cho từng loại doanh nghiệp có các chủ sở hữu khác nhau, sẽ không thể hiện được sự bình đẳng trước pháp luật của các thành phần kinh tế.

Một vấn đề đang gây khó khăn không ít cho các nhà đầu tư tư nhân là vấn đề đất đai, trong đó có thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất và giá đất. Đối với DNTN rất ít doanh nghiệp có lợi thế về cấp đất. DNNN trước đây được Nhà nước cấp đất, còn DNTN phải mua lại của DNNN hoặc của cá nhân khác, song lại cũng chịu một giá phí về quyền sử dụng đất như nhau, mặt khác DNTN phải trả tiền thuê đất (thường là thuê lại của DNNN) theo giá cao gấp nhiều lần mà DNNN phải trả. Sự không bình đẳng này trong thực tế cũng đã phát sinh các tiêu cực về vấn đề cấp đất, cấp quyền sử dụng đất... gây thất thoát cho ngân sách nhà nước.

Chính sách thuế đối với khu vực kinh tế tư nhân hiện có 2 vấn đề cần được giải quyết đó là vấn đề chống thất thu và thuế suất thuế lợi tức. Theo qui định của luật sửa đổi luật thuế lợi tức, thì các nhà đầu tư tư nhân trong nước ít được ưu đãi hơn các nhà đầu tư nước ngoài do phải chịu thuế suất lợi tức cao hơn gần gấp hai lần và đầu tư trong nước có ít các trường hợp được miễn, giảm thuế hơn đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, nếu phần lợi tức của tư nhân trong nước sau khi nộp thuế phần còn lại lớn hơn 10 triệu/người tháng thì phải chịu thuế lợi tức bổ sung với thuế suất là 25%. Điều này cũng hạn chế khả năng tái đầu tư của tư nhân trong nước. Do các thương vụ thanh toán thường không thông qua Ngân hàng nên DNTN dễ trốn thuế.

5. Đề xuất biện pháp quản lý, củng cố phát triển khu vực kinh tế tư nhân, cá thể

Từ những hạn chế nêu ở phần trên chúng tôi xin có một số kiến nghị mang tính giải pháp như sau:

Thứ nhất, cần bổ sung hoàn thiện hệ thống luật pháp hiện nay, tiến tới ban hành một đạo luật kinh doanh chung cho mọi thành phần kinh tế. Sớm hình thành thị trường chứng khoán và đạo luật về chứng khoán đảm bảo cho hình thức công ty cổ phần phát triển để huy động nhiều nguồn vốn từ nhiều tầng lớp dân cư.

Thứ hai, giảm thủ tục hành chính về cấp đất, đưa giá thuê đất về một mặt bằng giá cho mọi thành phần kinh tế.

Thứ ba, khuyến khích tư nhân đầu tư vào các khu vực sản xuất chế biến, đầu tư thiết bị công nghệ hiện đại bằng các chính sách ưu đãi như cấp tín dụng trung hạn, dài hạn, miễn, giảm thuế, hỗ trợ thị trường, bảo đảm đầu tư...

Thứ tư, giảm thủ tục hành chính khi xin giấy phép thành lập giấy phép kinh doanh, kiểm soát chống thất thu thuế bằng cách buộc các thương vụ của doanh nghiệp, công ty tư nhân phải thanh toán qua ngân hàng, tăng cường các biện pháp chế tài...

Thứ năm, thiết lập các định chế hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân như thành lập quỹ hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngân hàng đầu tư các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hiệp hội các doanh nghiệp nhỏ và vừa...

Thứ sáu, thúc đẩy quá trình giải tư, cổ phần hóa để một mặt củng cố cấu trúc lại khu vực kinh tế nhà nước, mặt khác tạo cơ hội cho mọi người lao động, mọi công dân có vốn tiết kiệm đưa vào đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh bằng hình thức mua cổ phần tại các doanh nghiệp.